

Lễ hội Việt Nam

Lễ Hội Khác

Tết Đoan Ngọ

Ngày mở hội: 5/5 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Gia đình

Truyền thuyết: Còn gọi là tết Đoan dương, Đoan Ngũ, Trùng Ngũ. Ngày này liên quan đến Khuất Nguyên ở nước Sở và sự tích Lưu, Nguyễn hai người đi hái thuốc lạc vào cõi thiên thai. Theo âm lịch đến tháng 5 ta mới thực sự hết mùa xuân sang mùa hạ. Đây là giai đoạn chuyển mùa nên hay thay đổi khí hậu.

Nội dung: Ngày 5 tháng 5 là ngày tết giết sâu bọ -tất cả các loại vi trùng sinh bệnh nói chung. Làm tết để trừ tà, phòng bệnh và cúng giỗ ông bà, tổ tiên.

Ghi chú: Làm vào giữa trưa (giờ Ngọ)

Lễ Đôn Ta

Ngày mở hội: 1/10 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 15 ngày

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Khơ me Nam Bộ

Nội dung: Lễ ông bà (ví như tết thanh minh) .Nhân dân mang bánh tét, hoa quả, cơm canh đến lễ chùa. Sau đó các gia đình tổ chức ăn uống.

Lễ - Hội Đua Ghe Gho và lễ OKOM BOK

Ngày mở hội: 15/10 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 2 ngày

Địa điểm tổ chức: Diễn ra tại sân nhà, sân Chùa.Kh'Me

Người được thờ cúng: Thần Mặt Trăng

Truyền thuyết: Gắn liền với lễ Oóc Om Bóc-Lễ tạ ơn thần Mặt Trăng của người Kh'me Nam Bộ. Thần Mặt Trăng đã cho mùa màng tươi tốt, sông ngòi nhiều tôm cá, người người ấm no hạnh phúc.

Nội dung: Trong đêm lễ các gia đình làm lễ cúng và thả những chiếc đèn giấy bay lên trời, những chiếc bè chuối có gắn đèn và bày lễ vật trôi trên kênh rạch, sông. Đua ghe gho là trung tâm của ngày Hội. Những chiếc ghe lớn, mũi và đuôi ghe đều cong được trang trí màu sắc sặc sỡ do các trai tráng từ các phum, sóc tham gia đua tài.

Ghi chú: Tổ chức tại các tỉnh thuộc đồng bằng Sông Cửu Long.

Hội nước phổ biến của cư dân Đông Nam á.Tại Sóc Trăng,, có năm tổ chức hội đua ghe ngo số người xem tới vài chục vạn người.

Dân tộc: Khơme Nam Bộ

Đối tượng suy tôn: Thần Mặt Trăng

Địa điểm: Lễ diễn ra tại sân nhà, hay sân chùa - Hội đua ghe ở trên sông

Thời gian: Rằm tháng 12 (theo Phật lịch Khơme)

Đặc điểm: Tục thả đèn nước, đèn gió và đua ghe ngo vào sáng hôm sau.

1. Lễ OK OM BOK

Lễ Ok Om Bok, tiếng Khơme có nghĩa là Đút cốm dẹt, còn có tên khác là lễ Cúng trăng (vì lễ tổ chức vào đúng hôm trăng rằm và bắt đầu từ khi trăng lên), của người Khơme Nam Bộ sống ở các tỉnh Cửu Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Minh Hải, Kiên Giang.

Xuất phát từ một tín ngưỡng dân gian cho rằng mặt trăng là thần bảo vệ mùa màng, người Khơme hằng năm cứ đến ngày rằm tháng 12 theo Phật lịch (tương ứng tháng 10 âm lịch) tổ chức lễ Ok Om Bok để tỏ lòng biết ơn vị thần đã làm cho mùa màng tốt tươi hơn, mang lại lương thực dồi dào cho con người.

Để chuẩn bị cho đêm lễ Cúng trăng, người ta đào lỗ trước sân nhà, hay sân chùa để chôn hai cây trụ tre (hay tầm vông) bên trên có một cây xà ngang dài độ 3 mét, giống như một cổng chào có trang trí hoa lá. Dưới cổng kê một chiếc bàn bên trên để một lọ hoa, nhang, đèn và các thức cúng gồm chuối, bưởi, cam, thơm cùng các loại củ như khoai lang, khoai mì, khoai môn và bánh kẹo, đặc biệt là món cốm dẹt được chế biến từ những bông nếp vừa chín đầu mùa lấy từ ngoài đồng về. Mọi người từ già đến trẻ đều ăn mặc đẹp, dọn dẹp trang hoàng nhà cửa để đón trăng.

Buổi tối khi trăng vừa nhô lên khỏi ngọn cây, dân chúng đã tề tựu đông đủ tại khuôn viên chùa (hay sân nhà) để chuẩn bị lễ cúng. Một cụ già làm chủ lễ đứng ra đọc lời khấn nói lên lòng biết ơn của con người đối với thần, xin thần tiếp nhận những lễ vật và cầu mong trong những ngày tháng tới thần Trăng sẽ đem lại cho mọi nhà, mọi người những niềm vui mới, sức khỏe, thời tiết tốt đẹp, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cuộc sống thái bình, no ấm. Sau đó, mọi người hạ mâm cúng, cùng nhau hưởng lễ vật, vừa ăn vừa kể chuyện sản xuất, chuyện làng xóm... Trẻ em, thanh niên thì vui chơi múa hát...

Tham gia lễ này, không chỉ có người Khơme mà còn có đông đảo người Hoa, người Việt cùng chung vui. Là một dạng lễ hội nông nghiệp, lễ cúng trăng với những hy vọng điều lành, may mắn và hạnh phúc phản ánh được đặc tính, tâm lý chất phác và hồn nhiên của người nông dân Khơme cùng những ước mơ bình dị, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, mọi người ấm no, hạnh phúc.

2. Hội đua ghe ngo (gắn liền với lễ Ok Om Bok)

Theo phong tục của người Khơme, tiếp theo đêm lễ cúng trăng, sáng hôm sau là hội đua ghe ngo. Đây là hội tung bừng, náo nhiệt nhất, được chuẩn bị khá công phu, một sinh hoạt văn hóa thể thao có sức thu hút hàng chục vạn người tham gia, không những chỉ có đồng bào Khơme, mà có đông đảo người Việt, người Hoa cùng hưởng ứng nồng nhiệt.

Ghe ngo, tiếng Khơme là "tuk ngo", một loại thuyền độc mộc khoét từ thân cây gỗ tốt, ra đời từ nhiều thế kỷ trước đây. Đây là một loại ghe đua đặc trưng của người Khơme Nam Bộ, ghe ngo được thiết kế đặc biệt, dài từ 25 đến 30 mét, mình thon như con rắn, lướt sóng tốt nhờ lực cản trở, mũi và lái đều cong vút lên, mũi thấp hơn lái. Mũi ghe thường chạm đầu một loại rắn nước, hay đầu chim phượng. Do chiều dài của ghe có đủ chỗ ngồi cho 45 đến 50 tay chèo, để đảm bảo an toàn, tránh được hiện tượng vỡ, gãy hay "xoắn vở đổ" trong khi tăng tốc ở nước rút, người ta đã cố định thêm một cây gỗ chắc làm đà chịu lực dọc theo thân ghe chạy suốt từ mũi đến lái. Với kiểu ghe được thiết kế như vậy, khi bơi đua đòi hỏi người điều khiển phải có một nghệ thuật điều luyện, giàu kinh nghiệm, nếu không quen, động tác bơi không nhịp nhàng, ghe rất dễ bị lật úp. Người Khơme coi ghe ngo đua không giống như các ghe thông thường, mà là một vật thiêng. Vì vậy, trước khi đi dự thi, họ thường làm lễ tạ thần, thắp hương cúng vái, sau đó chọn người điều khiển, người lái, quân dầm bơi và tổ chức chiêu đãi những người tham gia cuộc thi.

Cuộc đua diễn ra trang nghiêm và đầy hào hứng, có sức cuốn hút hàng chục vạn người xem. Khi pháo lệnh nổ, những chiếc ghe dài như những con rắn khổng lồ nổi trên mặt nước lao vút đi như tên bắn theo hướng chỉ đường của những cọc tiêu cắm trên dòng sông. Theo nhịp thúc quân bằng tiếng công của người đứng ở giữa ghe, cả mấy chục chiếc dầm giơ lên, bổ xuống nước rập ràng như những chiếc tay máy. Tiếng hò reo cổ vũ náo nhiệt, tiếng trống thúc thúc vang động cả một vùng, nhất là khi có một chiếc ghe về đến đích.

Hàng năm, các tỉnh đồng bằng Nam Bộ có đông người Khơme, vào dịp lễ Ok Om Bok đều có tổ chức đua ghe ngo như một sinh hoạt văn hóa - thể thao truyền thống.

Trong vài năm trở lại đây, thành phố Hồ Chí Minh, vào dịp Quốc khánh hàng năm cũng đã tổ chức cuộc đua thuyền truyền thống trên sông Sài Gòn với hai loại ghe bầu và ghe ngo (còn gọi là thuyền rồng). Hầu hết các đội đua ghe ngo nổi tiếng của các tỉnh Kiên Giang, Minh Hải, Sóc Trăng, Cần Thơ, Long Xuyên đều về tham gia tranh giải.

Lễ Đắp Đạp

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Chăm

Người được thờ cúng: Thần Pô Pô Tao Inh

Truyền thuyết: Vị thần Pô Pô Tao Inh là người có công tạo dựng những hệ thống thủy lợi nổi tiếng của người Chăm.

Nội dung: Tổ chức trước khi khởi công đắp đập hay sửa mương phai..

Ghi chú: Tổ chức tại vùng đồng bào Chăm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận. Nơi vẫn còn nhiều dấu tích hệ thống tưới tiêu cổ của đồng bào Chăm.

Lễ Đặt Tên

Địa điểm tổ chức: Vùng người Dao

Truyền thuyết: Việc đặt tên cho trẻ mới sinh là cực kỳ quan trọng. Cái tên sẽ giúp cho phận đẹp, vía tốt. Tên của đứa trẻ không phải đặt ngay mà phải qua 1 thời gian dài có khi 9, 10 tuổi mới đặt tên

Nội dung: Lễ Đặt Tên kéo dài 3 ngày, 3 đêm và làm hết sức trọng thể. Ngày thứ nhất là ăn uống, ngày thứ 2 mới là ngày thầy cúng đặt tên. Ngoài việc mời thầy cúng gia đình còn nhờ các cô gái đẹp trong bản đóng làm tiên nữ để múa hát.

Ghi chú: Tổ chức tại các gia đình vùng người Dao sau khi gia đình có người sinh nở

Lễ Ban Hành Giáo Lý

Ngày mở hội: 15/1 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 2 ngày

Địa điểm tổ chức: Tại chùa vùng đồng bào Khơ me

Người được thờ cúng: Phật

Truyền thuyết: Ngày Đức Phật thành đạo.

Nội dung: Các sư và tín đồ tập trung ở chùa để đọc kinh cầu nguyện và nhắc nhở tín đồ nhớ đến ngày Đức Phật ban hành giáo lý.

Ghi chú: Tổ chức 2 ngày 1 đêm

Lễ Bỏ Mả

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Giagrai, Ba na, Ê Đê

Truyền thuyết: Các dân tộc trên không có phong tục thờ tổ tiên. Thương tiếc người chết, họ chỉ giữ gìn mồ mả một thời gian rồi sau đó sẽ tiễn ra đi vĩnh viễn bằng lễ bỏ mả. Lễ được tổ chức trọng thể. Đặc sắc hơn cả là lễ bỏ mả của người Gia Rai (còn gọi là Pơ Thi). Lễ được tiến hành vài ba năm sau khi người thân qua đời, những người chồng (hoặc vợ) góa từ nay được giải phóng.

Nội dung: Trong dịp này người già cũng như trẻ ra múa chung quanh nhà mồ theo nhịp chiêng, cùng ăn uống cộng cảm.

Đây là lễ hội không thể thiếu trong đời sống tinh thần của đồng bào Giagrai, Ba na, Ê Đê.

Ghi chú: Tổ chức tại nghĩa địa chung quanh nhà mồ từ 2 đến 5 ngày vào sau mùa thu hoạch nhằm lúc trăng sáng. Thời gian bỏ mả tùy điều kiện chuẩn bị phí tổn của chủ nhân.

Lễ Cấm Phòng

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Chăm theo đạo Hồi (Bà Ni)

Truyền thuyết: Các cô gái đến tuổi phải làm lễ này nếu không chưa được phép nghĩ đến hôn nhân.

Nội dung: Có tổ chức đọc kinh, cầu nguyện. Trong dịp này các cô gái được tặng tiền bạc, trâu, ruộng, thóc, gạo... Đó là của hồi môn khi đi lấy chồng. Các nhà có con cùng làm lễ. Người ta dựng 2 căn nhà tạm đối mặt nhau. Nhà lớn ở phía Đông để làm lễ, còn nhà nhỏ ở phía Tây để các cô gái vào cấm mình. Chỉ sau khi các ông GRU và thầy IMÂM đọc kinh cầu nguyện suốt đêm xong các cô gái mới được đưa sang làm lễ.

Ghi chú: Tổ chức ở các tỉnh Nam Trung bộ khi các cô gái Chăm vào lứa tuổi 15 sửa soạn cho việc hôn nhân. Phổ biến là ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận.

Lễ Cấp Sắc

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào dân tộc Dao

Truyền thuyết: Theo quan niệm nếu lúc sống chưa làm lễ này thì sau khi chết con cháu phải làm lễ tiếp. Vì có làm lễ này thì sau này hồn người chết mới về đoàn tụ với tổ tiên và được nhận làm con cháu của Bàn Vương. Có làm lễ cấp sắc thì người đó mới được làm nghề cúng bái.

Nội dung: Mỗi lần làm lễ đều có kèm theo nghi lễ với các lễ vật như : lợn, gà, rượu và kéo dài hàng chục ngày.

Cấp sắc gồm nhiều cấp bậc cao, thấp khác nhau. Mỗi lần làm lễ được thăng cấp một lần có kèm theo nghi lễ và người đó phải học sách cúng và phép thuật.

Ai muốn được cấp sắc phải qua những lời nguyện và lời dẫn.

Ghi chú: Tổ chức ở các tỉnh miền núi phía Bắc (Yên Bái, Lào Cai, Bắc Thái.....), là lễ phổ biến đối với người dân ông Dao

Lễ Cầu Đào

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Chăm

Nội dung: Lễ cầu mưa hay đào vũ. Lễ được tổ chức trọng thể với sự tham gia của dân làng, lễ vật có nhiều thứ nhưng đặc biệt có 1 con trâu trắng để tế thần.

Khi vào lễ, một thầy tăng cầm gươm ra múa chung quanh con trâu theo nhịp trống và cầu xin thần linh. Lễ xong mang trâu ra giết thịt.

Ghi chú: Tổ chức vào dịp hạn hán ở các tỉnh Nam Trung bộ, phổ biến là ở Ninh Thuận và Bình Thuận.

Lễ Cầu An

Địa điểm tổ chức: Tại các ngôi chùa vùng đồng bào Khơ me Nam Bộ

Truyền thuyết: Lễ cầu an mừng được mùa, cầu cho phum sóc bình an.

Nội dung: Lễ tổ chức theo nghi thức đạo Phật mời sư sãi tụng kinh vào buổi tối. Ban đêm khi các sư tụng kinh, thuyết pháp thì có đoàn Dù Kê, Rô Băm trình diễn nghệ thuật.

Ghi chú: Tổ chức trước tết Chol Chanam Thơ Mây.

Lễ Cầu Yên

Thời gian tổ chức: 3 ngày

Địa điểm tổ chức: Làng , xóm vùng dân tộc Chăm Bà Ni

Truyền thuyết: Lễ cầu yên (Ra Ja Prông) tống tiễn những xấu xa, tội lỗi của năm cũ. Lễ do dân làng cùng đóng góp. Lễ tiến hành vào buổi chạng vạng tối.

Nội dung: Có các nghi lễ và múa, hát, thả thuyền.

Ghi chú: Tổ chức vào đầu tháng giêng (lịch Chăm) tức tháng tư dương lịch., khoảng 3 ngày đêm

Lễ - Hội Chol ChNam ThMây

Ngày mở hội: 13/4 (dương lịch)

Thời gian tổ chức: 3 ngày

Địa điểm tổ chức: Chùa và ở các gia đình

Truyền thuyết: Lễ hội từ 1 đến 3 tháng chot của người Khmer theo lịch Phật (tức giữa tháng 4 dương lịch). Lễ Tết của người Khmer (tương tự như tết Nguyên Đán).

Nội dung: Trong hội ngoài cúng lễ, bà con thăm hỏi chúc mừng lẫn nhau. Buổi tối người ta đốt pháo thăng thiên, thả đèn, đánh quay lửa.. ..Trai gái múa Roam Vông, hát Dù Kê...

Ghi chú: Lễ hội tổ chức từ 1 đến 3 tháng chet của người Khmer vùng dân tộc Khmer Nam Bộ.

Hội nước của đồng bào Khơ Me

Dân tộc: Khơme Nam Bộ

Đối tượng suy tôn: Lễ Tết của người Khơme Nam Bộ

Địa điểm: Ở chùa và ở gia đình

Thời gian: Từ mùng 1 - 3 đầu tháng Chết của người Khơme (theo Phật lịch)

Đặc điểm: Lễ tắm tượng Phật bằng nước thơm, sau đó tắm các vị sư cao niên ở chùa nhằm "rửa sạch cái cũ và những bụi bặm trần thế" để đón cái mới.

Đạo Phật Tiểu thừa là tôn giáo chính của người Khơme Nam Bộ, đã thâm nhập khá lâu vào trong sinh hoạt đời sống của quần chúng, nên những lễ hội của họ, dù bắt nguồn từ đâu, vẫn mang màu sắc tôn giáo và không thoát khỏi cổng chùa. Trong quá trình phát triển lịch sử, các lễ hội còn chịu sự pha tạp của những yếu tố tôn giáo khác như đạo Bà La môn, song ở đây cũng tồn tại khá rõ nguồn gốc lễ nghi nông nghiệp của cư dân trồng lúa nước. Điều đó cũng dễ nhận biết qua các lễ hội tiêu biểu, dù đó là lễ Chôl Chnam Thmây (lễ vào năm mới), lễ Đôn-ta (lễ cúng ông bà), hay lễ Ok Om Bok (lễ cúng trăng) lại diễn ra vào thời điểm giữa mùa mưa và mùa nắng, lễ Chôl Chnam Thmây còn có ý nghĩa đón mừng năm mới, lễ Chôl Chnam Thmây còn có ý nghĩa chấm dứt thời kỳ nắng hạn, bước sang thời kỳ có nước trời dồi dào để chuẩn bị cho vụ làm mùa mới.

Theo lệ thường hàng năm, hễ gần đến lễ Chôl Chnam Thmây, bà con Khơme lo chuẩn bị rất chu đáo, mà trước hết tập trung ở việc ăn, mặc, ở. Để chuẩn bị cho việc ăn uống, đãi khách, dâng cho nhà chùa, gia đình nào cũng lo chà gạo để nấu, làm bánh, chuẩn bị thịt heo, gà, vịt... Nước sinh hoạt cũng được gánh đổ đầy ghè, đầy chum. Mọi người sửa sang bàn thờ Phật, trang hoàng nhà cửa, quét dọn sân nhà, kết cổng chào...

Trong đêm giao thừa, trên bàn thờ có bày sẵn 5 nhánh hoa, 5 đèn cây, 5 cây nhang, 5 hạt cốm và nhiều loại trái cây. Cha mẹ, ông bà tập hợp con cháu lại, ngồi xếp chân về một phía trước bàn thờ tổ tiên, đốt nhang đèn, vái ba cái để tiễn đưa Têvêđa cũ và rước Têvêđa mới, mong được ban phúc lành. Họ tin rằng Têvêđa là ông tiên được trời sai xuống chăm sóc dân chúng trong thời gian một năm, hết nhiệm kỳ sẽ có vị khác xuống thay thế.

Sáng ngày thứ nhất (Sangkran) lễ rước "Maha Sangkran mới". Lễ này có thể tổ chức sớm hay muộn trong ngày, miễn là chọn đúng giờ tốt, theo quan niệm của người Khơme. Mọi người được tắm gội, mặc quần áo đẹp, mang nhang đèn, lễ vật đến chùa. Dưới sự điều hành của ông Acha, mọi người xếp hàng đi vòng quanh chính điện 3 lần để làm lễ chào mừng năm mới.

Ngày thứ hai (Wonbót), mỗi gia đình làm lễ dâng cơm buổi sớm và buổi trưa cho các vị sư sãi. Theo đạo Phật Tiểu thừa, thì các ngày lễ tín đồ đi chùa lạy Phật có bốn phần mang cơm và thức ăn dâng cho sư sãi. Buổi chiều, người ta làm lễ "Đắp núi cát" (Puôn phnôm khsach) ngay tại khuôn viên chùa, để mong gặp được điều lành. Tập tục này cũng bắt nguồn từ một sự tích của một thợ săn bắn gần với ma thuật cầu mùa của người xưa. Ngày thứ ba (Lơn Săk), sau khi đã dâng cơm sáng cho các vị sư ở chùa, người ta làm lễ tắm tượng Phật bằng nước có ướp hương thơm, rồi sau đó tắm cho các vị sư cao niên ở chùa, nhằm rửa sạch hết cái cũ, những bụi bặm của trần thế trong năm cũ, để bước sang năm mới với một thân thể sạch sẽ hoàn toàn mới.

Tiếp theo đó là lễ cầu siêu (Băng Skôl). Các vị sư được mời đến tháp lưu giữ hài cốt của những người quá cố để cầu kinh, mong linh hồn họ được siêu thoát.

Đến trưa, mọi người về nhà để làm lễ tắm tượng Phật thờ trong từng gia đình, rồi chúc mừng cha mẹ, ông bà, dâng bánh trái để tạ ơn.

Trong ba ngày hội Chôl Chnam Thmây, bà con Khơme còn đi thăm hỏi, mừng tuổi năm mới cho nhau, chúc nhau sức khỏe, cuộc sống yên vui, phát đạt. Tối đến, người ta đốt pháo thăng thiên, thả đèn, đánh quay lửa... Các cụ già kể chuyện thần thoại, cổ tích cho con cháu. Gái, trai tham gia các cuộc hát đối đáp aday, hát dũkê, múa rômvông...

Tết Com Mới

Địa điểm tổ chức: Gia đình

Truyền thuyết: Tương truyền từ đời Lý đã có tết com mới.

Nội dung: Tết này được bà con nông dân tổ chức rất trọng thể vì đây là dịp nấu com gạo mới cúng tổ tiên sau đó để tự mình hưởng công cấy cấy quanh năm.

Ghi chú: Từng gia đình, từng vùng, tết này được tổ chức từ 1 đến rằm tùy theo ngày mùa kết thúc sớm hay muộn.

Lễ Dâng áo cà sa

Ngày mở hội: 16/9 (âm lịch)

Địa điểm tổ chức: Tại chùa vùng đồng bào Kh'Me

Người được thờ cúng: Phật

Truyền thuyết: Theo tích Phật, lễ này do đức Phật lập ra vì có một vài môn đệ của Ngài sau lễ xuất hạ đi khát thực áo cà sa bị lấm bùn bẩn, ngài ban quần áo mới cho.

Nội dung: Đây là lễ lớn của các chùa thờ Phật. Có tổ chức rước, tụng kinh và dân chúng tặng áo cà sa.

Ghi chú: Được tổ chức vào một ngày nào đó trong khoảng thời gian từ 16 tháng 9 đến 15 tháng 10 Âm lịch (sau Lễ Xuất Hạ)

Lễ Dâng Bông

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Khơ me Nam bộ

Truyền thuyết: Mỗi khi Phum, Sóc cần xây dựng cầu đường, nhà trường, chùa chiền, các công trình công cộng ...đều tổ chức lễ dâng Bông để quyên tiền góp xây dựng.

Nội dung: Các sư sãi đọc kinh cầu nguyện và nhân dịp này địa phương đón các đoàn hát dân tộc về biểu diễn cho nhân dân xem

Ghi chú: Tổ chức Trước khi cộng đồng cần xây dựng các công trình công cộng.

Lễ Dâng Phước

Thời gian tổ chức: 9 ngày

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Khơ me Nam bộ

Truyền thuyết: Sau khi người thân qua đời (trẻ em 7 ngày, người lớn 9 ngày), đồng bào làm lễ dâng phước.

Nội dung: Có sư sãi tụng kinh cầu siêu theo nghi thức của đạo Phật

Ghi chú: Tổ chức tại gia đình các tỉnh đồng bằng Nam Bộ

Tết Hàn Thục

Ngày mở hội: 3/3 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Gia đình

Truyền thuyết: Hàn thực có nghĩa là ăn đồ nguội. Theo điển tích xa xưa ở Trung Quốc ngày này là ngày mất của Giới Tử Thôi, một người bày tôi trung thành của vua Văn Công nhà Tấn bị chết cháy trong rừng. Để tỏ lòng quý trọng sự khiêm nhường, liêm khiết và lòng hiếu thảo của ông mỗi năm đến ngày hai mẹ con ông chết mọi người không đốt lửa và chỉ ăn đồ nguội đã nấu sẵn. Tết này có nguồn gốc ở Trung Hoa và thông dụng ở nước ta đã từ lâu. Từ thời nhà Lý, nhân dân ta làm bánh trôi, bánh chay để thay thế cho đồ nguội.

Ghi chú: Có ảnh hưởng của Văn hóa Trung Hoa.

Hội Hoa Ban

Địa điểm tổ chức: Tại các bản vùng dân tộc Thái trắng.

Nội dung: Ngày Hội của tình yêu và hạnh phúc. Nhân ngày hội mọi gia đình làm cỗ và ra rừng tìm chọn những bông hoa ban mới nở tặng cha mẹ, người yêu.

Trong Hội có các điệu xòe: xòe vòng, xòe khăn, xòe quạt, xòe nón, xòe đèn, xòe chai, thi bắn súng hỏa mai, cung nỏ, ca hát, ném còn, thi thổi kèn, sáo, thi chim hót, thi trâu béo... Sau hội là một số ngày kiêng kỵ, nhà nào nhà nấy đóng kín cửa, cài cành lá xanh, người trong nhà nghỉ đi rầy, không tiếp khách lạ

Ghi chú: Hội còn có tên Xên bản, Xên mừng. Tổ chức ở vùng dân tộc Thái trắng (Tây Bắc) các tỉnh Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu vào tháng 2, mùa Hoa Ban nở.

Tết Khai Hạ

Ngày mở hội: 7/1 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Gia đình

Truyền thuyết: Theo phong tục thì 8 ngày đầu năm mới ứng với các gia súc, người và lúa. Cụ thể ngày 1: ứng vào gà; ngày 2: chó; ngày 3: lợn; ngày 4: dê; ngày 5: trâu; ngày 6: ngựa; ngày 7: người; ngày 8: lúa.

Theo phong tục cổ truyền trong 8 ngày đầu, nếu ngày nào nắng ráo, sáng sủa thì giống gì thuộc ngày đó sẽ sinh sôi nảy nở tốt tươi. Nếu ngày 7 thấy trời tốt đẹp mọi người tin rằng cả năm được khỏe mạnh, gặp nhiều may mắn tốt lành. Tết này có nguồn gốc từ Trung Hoa. Ngày này người Trung Hoa ăn tết rất long trọng, mọi người treo đèn kết hoa, nhảy múa vui xuân.

Nội dung: Cúng tại gia.

Hội tế thần linh

Ngày mở hội: 1/8 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 15 ngày

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Khơ me Nam Bộ

Truyền thuyết: Lễ tổ chức theo sự tích: Vua Pimpisar, vào một đêm khuya thấy tiếng kêu đòi ăn uống ở hoàng cung, bèn hỏi tiên tu thì được biết đó là lũ ma đói đòi ăn uống, muốn yên phải cúng lễ.

Nội dung: Đồng bào Khơ me Nam bộ làm lễ hàng năm để nhờ sự sãi tụng kinh cầu siêu cho thân nhân quá vãng được yên ổn.

Hội Lồng Tồng

Ngày mở hội: 4/1 (âm lịch)

Địa điểm tổ chức: Các dân tộc thiểu số vùng biên giới

Người được thờ cúng: Thần Nông, Sơn thần, Thổ thần.

Truyền thuyết: Hội giúp cho mùa màng bội thu, dân an vật thịnh, đồng thời cầu mong một năm mới làm ăn phát đạt và là dịp bè bạn, họ hàng, người thân gặp gỡ nhau.

Nội dung: Các trò chơi dân gian theo sắc thái từng vùng, từng dân tộc như: Sli lượn, múa võ, múa lân, múa sư tử, đánh quay và không thể thiếu hình thức vui chơi là ném còn.

Ghi chú: Đây là ngày hội lớn nhất, vui nhất của một số dân tộc thiểu số vùng biên giới phía Bắc: Tày, Thái, Nùng, Giáy, Mường.... Hội thường tổ chức từ ngày 4 đến hết tháng giêng âm lịch.

Còn gọi là Hội xuống đồng.

Hội chung Mộc Dục

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Chùa, Đền

Truyền thuyết: Là lễ tắm thân vị (hay tượng thờ) được tiến hành trước ngày hội đền, miếu hay hội làng.

Nội dung: Nghi lễ này được tiến hành hết sức cung kính, trang trọng, Nhiều nơi phải làm lễ rước nước để lấy nước sạch đem về. Đây là nghi lễ bắt buộc trong các ngày hội.

Ghi chú: Người được tắm rửa tượng phải được dân làng chọn bầu theo tiêu chuẩn: tuổi tác, gia đình, thân nhân đều hoàn hảo.

Hội Mừng Măng mọc

Địa điểm tổ chức: Gân bản, ven suối, bìa rừng

Người được thờ cúng: Trời - Đất

Truyền thuyết: Để tạ ơn Trời - Đất. Mùa măng mọc là một sự kiện, một mốc thời gian đánh dấu mùa sinh trưởng mới ở núi rừng. Măng là biểu tượng sự bền bỉ, bất khuất...

Nội dung: Ngày Hội ngoài cúng lễ ở bãi, có múa hát. thanh niên đi hái hoa, bẫy chim, tìm những búp măng mới mọc. Đây là dịp thanh niên nam nữ thi nhau hát dân ca và múa các điệu múa dân gian.

Ghi chú: Dân tộc Mảng, Xá, Kháng, Xinh, Mun, La Hu, Khơ Mú - vùng Tây Bắc (Sơn La, Lai Châu) sau những cơn mưa đầu mùa báo hiệu mùa măng mọc.

Tết Nguyên Đán

Ngày mở hội: 1/1 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 3 ngày

Địa điểm tổ chức: Gia đình, các nơi công cộng

Người được thờ cúng: Tổ tiên, Trời đất, Thổ công

Truyền thuyết: Tết Nguyên Đán còn gọi là tết cả - ngày đầu năm theo âm lịch - là lễ hội cổ truyền lớn nhất, lâu đời nhất, có phạm vi phổ biến rộng nhất, kéo dài mấy ngày.

Nội dung: Cả phần lễ cũng như phần hội đều rất phong phú, mang giá trị như Cúng tổ tiên, thổ công (thần coi đất), Nghệ sư (ông tổ dạy nghề cho mình), nhớ những người đã khuất và gặp gỡ những người thân quen, cầu mong một năm mới nhiều may mắn tốt lành. Mang tính nhân văn sâu sắc, đậm đà.

Đối tượng suy tôn: Ông, bà, tổ tiên

Diện phổ biến: Phạm vi cả nước

Thời gian: Ngày mồng một đến ngày 3 tháng Giêng

Đặc điểm: Lễ hội dân tộc lớn nhất. Tính toàn dân cao

Tết Nguyên Đán (hay Tết Cả) là khâu đầu tiên và quan trọng nhất trong hệ thống lễ hội Việt Nam, mà phần lễ cũng như phần hội đều rất phong phú cả nội dung cũng như hình thức, mang một giá trị nhân văn sâu sắc và đậm đà. Việc ông cha ta xác định Tết Cả đúng vào thời điểm kết thúc một năm cũ, mở đầu một năm mới theo âm lịch, làm ngày hội lớn của một chu kỳ vận hành vũ trụ, đã phản ánh tinh thần hòa điệu giữa con người với thiên nhiên. Chữ NGUYÊN có nghĩa là bắt đầu, chữ ĐÁNH có nghĩa là buổi ban mai, là khởi điểm của năm mới. Đồng thời, Tết cũng là dịp để gia đình, họ hàng, làng xóm, người thân xa gần xum họp, đoàn tụ, thăm hỏi, cầu chúc nhau và tưởng nhớ, tri ơn ông bà, tổ tiên. Người Việt Nam có tục hàng năm mỗi khi Tết đến, dù làm bất cứ nghề gì, bất cứ ở đâu, kể cả những người xa xứ vẫn mong được trở về sum họp dưới mái ấm gia đình trong 3 ngày Tết. "Về quê ăn Tết", đó không phải là một khái niệm thông thường đi hay về, mà là một cuộc hành hương về cội nguồn, mảnh đất chôn nhau cắt rốn.

Theo tập tục, đến ngày 23 tháng Chạp là ngày đưa tiễn Ông Táo về Trời để tâu việc trần gian, thì không khí Tết bắt đầu rõ nét.

Từ quan niệm Tết Cả trước hết là Tết gia đình nên ai cũng có ý thức trang hoàng nhà cửa của mình sao cho sạch, đẹp để đón Chúa Xuân. Đặc biệt phải chú ý đến bàn thờ ông bà, tổ tiên. Ngoài tranh Tết còn có câu đối Tết mang nội dung chúc phúc, mong sự an vui. Cùng với tục chơi tranh, câu đối ngày Tết, còn có tục chơi hoa, chơi quả. Loài hoa "chủ thể" của ngày Tết ở miền Bắc là hoa đào, ở miền Nam là hoa mai vàng. Ngoài ra người ta còn chơi quất kiểng (ở miền Nam, cây quất được gọi là cây tắc, nhiều nơi gọi là cây hạnh, ý muốn nói cây mang lại điều may mắn, hạnh phúc). Nói đến tục chơi quả, còn phải kể đến mâm ngũ quả đặt nơi bàn thờ ông bà. Thông thường mâm ngũ quả gồm: 1 nải chuối xanh, 1 quả bưởi (hay quả phật thủ), vài quả cam, (hay quýt), mấy quả hồng, năm quả quất. Mâm ngũ quả ở miền Nam thường có thêm các loại quả như măng cầu xiêm, dừa xiêm, đu đủ, xoài xanh, thơm, một nhánh sung. Mặc đẹp, trang điểm là một nhu cầu không thể thiếu bởi "chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết" nên ai cũng cố gắng may sắm quần áo, khăn, mũ, giày dép mới. Bộ đồ mới đối với trẻ con để chơi Tết, vui với bạn bè là một yêu cầu không thể thiếu được.

Trong những tập tục ngày Tết, nổi bật hơn cả là tục đốt pháo, tiếng pháo giao thừa là tiếng cười đón tan đón mừng Chúa Xuân. Tuy nhiên theo nguyện vọng của đa số dân chúng, để đảm bảo sự an toàn và yên vui cho mọi nhà trong ngày Tết. Chính phủ đã ban hành lệnh cấm đốt pháo từ Tết năm 1995. Thay vào pháo nổ có đốt pháo hoa, vừa văn minh, vừa lịch sự, an toàn.

Đối với mỗi gia đình, lễ cúng tất niên trưa hoặc chiều ngày 30 có một ý nghĩa quan trọng . Trong tâm thức mọi người, lễ cúng tất niên là cuộc họp mặt đông đủ giữa người chết và người sống sau một năm.

Giao thừa là thời điểm thiêng liêng, lúc Đất - Trời giao cảm. Kể từ giờ phút này. Tết Nguyên Đán bắt đầu. Theo quan niệm cổ truyền, ngày Nguyên Đán đánh dấu một cái gì thiêng liêng của bước mở đầu liên quan đến hạnh phúc riêng tư, vận hạn của cá nhân hay gia đình được, mất, thành công hay thất bại... Từ quan niệm trên, các cụ ngày xưa mong người đến nhà mình đầu tiên sáng mồng một - gọi là xông nhà, xông đất - phải là người mừng tuổi. Sáng mồng một, ông bà, cha mẹ mừng tuổi cho cháu, tiền mừng tuổi mang ý nghĩa tượng trưng hơn là giá trị thực của nó.

Đây cũng là nét đẹp truyền thống quý báu, nề nếp của người Việt Nam. Một số người vẫn giữ tục xuất hành vào sáng mồng một, nghĩa là đi ra khỏi nhà, khỏi cổng, phải chọn giờ tốt, hướng đi tốt. Các ông đồ xưa các vị khoa bảng, người làm việc quan đều coi trọng việc khai bút - viết những dòng chữ đầu tiên là hệ trọng. Ngày nay, một số nhà văn, nhà thơ, những người làm nghề viết lách vẫn duy trì tục này.

Trong những ngày Tết, khách đến chơi nhà đều được đón tiếp ân cần, nồng hậu. Gia chủ phải mời thuốc, nước, uống rượu, ăn bánh, ăn cỗ. Những món ngon, vật lạ dành cho Tết được dịp mang ra mời khách. Đó cũng là nét đẹp truyền thống của người Việt Nam.

Cuộc vui Xuân cứ thế tiếp diễn từ mồng một cho đến mồng ba. Chiều mồng ba, nhà nào cũng nấu mâm cơm để làm lễ tiễn đưa tổ tiên, ông bà. Thế là chấm dứt thời gian Tết.

Từ sáng mồng 4, các công sở, chợ búa bắt đầu hoạt động trở lại bình thường. Có thể nói, Tết Nguyên Đán là một cuộc sơ kết từng chặng nhỏ cuộc đời con người. Đồng thời cũng là dịp cầu mong để vươn tới sự hưng thịnh toàn diện cho từng con người cũng như toàn cộng đồng, trong đó các tập tục và đạo đức cổ truyền mang giá trị nhân văn và thẩm mỹ cao của dân tộc được gìn giữ và không ngừng phát huy. Tết cùng tục đón Xuân, vui Xuân là một phần tài sản văn hóa, tinh thần truyền thống mà chúng ta ngày nay đang kế thừa.

Lễ Pi sát Bô chia

Địa điểm tổ chức: Vùng đồng bào Kh'Me

Người được thờ cúng: Phật

Truyền thuyết: Lễ nhớ ơn Phật của đồng bào Kh'Mer.

Nội dung: Ngoài các nghi lễ cúng bái ở chùa, nhân ngày này các gia đình tổ chức vui chơi, ăn uống.

Tết Táo Quân

Ngày mở hội: 23/12 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Gia đình

Người được thờ cúng: Táo Quân

Truyền thuyết: Theo truyền thuyết dân gian, có vợ chồng kia do nghèo đói phải bỏ nhau. Về sau người vợ lấy được chồng giàu. Một hôm đang ăn uống có người ăn xin đến. Vợ nhận ra đúng là chồng cũ động lòng đem tiền gạo ra cho. Chồng mới nghi ngờ, tra hỏi. Người vợ xấu hổ đâm đầu vào đồng lửa chết.

Người chồng cũ cảm cảnh ân tình cũng đâm đầu vào lửa chết. Người chồng sau cũng ân hận nhảy vào lửa chết nốt.

Trời đất thấy 3 người có nghĩa nên phong cho họ làm vua bếp lửa.

Nội dung: Đến ngày 23 - 12 thường các gia đình mua cá chép làm ngựa để vua bếp lửa (Táo quân) lên châu trời tâu Ngọc Hoàng công việc trần gian trong năm qua và mua 2 mũ ông, 1 mũ bà để thờ.

Tết Thanh Minh

Địa điểm tổ chức: Gia đình, nghĩa địa

Truyền thuyết: Để tưởng nhớ đến những người thân đã qua đời.

Nội dung: Thăm mộ mả, tu sửa phần mộ tổ tiên. Chiều về nhà làm cỗ cúng gia tiên.

Ghi chú: Tết Minh Thanh có ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa.

Lễ Thất Tịch

Ngày mở hội: 7/7 (âm lịch)

Địa điểm tổ chức: Các gia đình

Truyền thuyết: Lễ còn gọi là lễ Ngâu, để nhớ lại sự tích Ngưu Lang-Chức nữ theo huyền thoại Trung Hoa. Vì 2 người yêu nhau say đắm, sao lãng công việc nên bị Ngọc Đế đẩy 2 người ở 2 bờ sông Ngân và chỉ đến ngày 7 tháng 7 mới cho đàn Quạ đen bắc cầu qua sông Ngân để 2 vợ chồng gặp nhau. Hai vợ chồng lâu ngày gặp lại nhau khóc vì sung sướng. Nước mắt chảy mãi ướt đầm như mưa nên gọi là mưa Ngâu.

Nội dung: Lễ cúng tại gia.

Tết Thượng Nguyên

Ngày mở hội: 15/1 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Các Chùa và Gia đình

Truyền thuyết: Đó là ngày trăng tròn đầu năm của năm mới. Ngày này cũng là ngày sinh của Phật tổ A-Di Đà. Có câu: Tết cả năm không bằng rằm tháng giêng.

Theo phong tục Trung Hoa thì ngày này xưa là tết trạng Nguyên, nhà Vua thiết tiệc các ông trạng ở vườn Thượng uyển.

Nội dung: Lễ cúng trên Chùa và tại gia.

Ghi chú: Còn gọi là Tết Nguyên Tiêu.

Lễ Tế trời Đất

Địa điểm tổ chức: Kinh kỳ

Truyền thuyết: Lễ này có từ thời cổ Trung Hoa. ở Việt Nam tế lễ Nam Giao bắt đầu từ năm 1403 tại Đồn Sơn (Thanh Hóa). Đến đời Lê có lễ này và thế kỷ 17 có điện Nam Giao. Nhà Tây Sơn có đàn Nam Giao ở Huế. Còn Đàn Nam Giao thời Nguyễn dựng vào năm 1806.

Ghi chú: Tổ chức vào ngày đông chí (tế trời) hạ chí (tế đất), hoặc tế chung vào mùa Xuân. Tế này còn gọi tế lễ Nam Giao. Nghi thức theo điển lễ Trung Hoa.

Tết Trùng Cửu

Ngày mở hội: 9/9 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Gia đình

Truyền thuyết: Theo sự tích của Lão Hoàn Cảnh đời nhà Hán đi học phép tiên. Một hôm thầy dẫn Hoàn Cảnh nói với mọi người mang cá khô, gạo lên núi mà ở. Quả nhiên ngày 9 - 9 năm đó lụt to. Những người theo Hoàn Cảnh thì thoát nạn. Tối về thấy các con vật nuôi đã chết, cho đó là chết thay người.

Nội dung: Ngày này người ta hay uống rượu cúc để thưởng ngoạn, và ngâm vịnh, hái hoa.

Ghi chú: Còn gọi là tết Trùng dương

Tết Trùng Thập

Ngày mở hội: 10/10 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Gia đình

Nội dung: Dịp này các thầy thuốc Bắc và Nam đi hái thuốc về sao vàng hạ thổ vì cho rằng ngày đó tích tụ được từ thời xuân, hạ, thu, đông. Còn nhân dân đến ngày ấy thường làm bánh dày, nấu chè kho cúng tổ tiên và để tết các thầy lang, các ông đồng bà cốt, những người làm nghề bói toán.

Tết Trung Nguyên

Ngày mở hội: 15/7 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Các chùa và gia đình

Truyền thuyết: Theo sách Phật cho rằng ngày rằm tháng 7 là ngày vong nhân được xá tội (các tội nhân ở cõi âm được tha tội 1 ngày).

Nội dung: Người ta thường làm cỗ chay và cầu kinh Vu Lan, đốt vàng mã cầu cúng độ trì cho các tội nhân ở cõi âm, ở các gia đình thì làm cỗ cúng gia tiên.

Ngoài ra người ta còn làm cỗ cúng cho các cô hồn tại cầu, quán, chùa...và gọi là cúng cháo.

Tết Trung Thu

Ngày mở hội: 15/8 (âm lịch)

Thời gian tổ chức: 1 ngày

Địa điểm tổ chức: Gia đình và các nơi công cộng

Truyền thuyết: Tết này thường gọi là tết của trẻ con được làm vào tối rằm tháng 8.hoa quả. Ngoài ra còn có các loại đèn lồng. có hình thức rước đèn, đánh trống, múa sư tử và nhiều trò chơi. Tết này có liên quan đến chuyện Đường Minh Hoàng mơ được lên cung trăng. Tan giấc nhà Vua nuối tiếc cảnh trung thu trên cung trăng bèn đặt ra ngày tết này để ngắm trăng, vui chơi.

Nội dung: Ngày này người ta làm và bán nhiều loại đồ chơi, thả nã bằng giấy bồi hình các con vật. Bánh trung thu có hai loại chính là bánh nướng và bánh dẻo.

Lễ Ăn Cơm Mới

Địa điểm tổ chức: Buôn làng nhiều dân tộc thiểu số

Người được thờ cúng: Trời, thần đất, nước, thần lúa

Truyền thuyết: Tổ chức để tạ ơn trời, tạ ơn thần đất, nước, thần lúa. Diễn ra tuần tự từ gia đình này sang gia đình khác.

Nội dung: Trong ngày hội có cúng lễ và các hình thức văn nghệ vui chơi, ca hát chiêng trống mấy ngày đêm liền.

Ghi chú: Lễ tổ chức từ 1 đến 3 ngày sau mùa thu hoạch (vào dịp cuối năm).

Lễ - Hội Ăn Trầu

Thời gian tổ chức: 3 ngày

Địa điểm tổ chức: Nhà Rông của nhiều dân tộc thiểu số

Truyền thuyết: Con Trầu là vật hiến tế thần Giàng (Yang). Có 2 quy mô: quy mô cộng đồng (mừng chiến công, thắng lợi) và phạm vi gia đình (chủ trì) có cả cộng đồng cùng tham gia.

Nội dung: Đây là ngày hội phổ biến ở nhiều dân tộc ở Tây Nguyên, là sinh hoạt văn hóa dân gian nổi bật nhất. Nhiều loại hình văn hóa được huy động tham gia vào lễ hội này.

Sau các nghi thức cầu thần linh về chứng giám lòng thành của bà con và nhận lễ vật, các thanh niên, thiếu nữ múa và chiêng công nổi lên và nghi thức đâm trầu được diễn ra bằng một động tác mạnh, chính xác đưa lưỡi giáo xuyên vào nách trầu, tới tận tim.

Ghi chú: Tổ chức từ 2 đến 3 ngày vào dịp mừng thắng lợi của cộng đồng, khánh thành nhà rông, lễ cầu an, xóa điềm xấu, điềm gở cho buôn làng. Là ngày hội phổ biến ở Tây Nguyên và dọc Trường Sơn.

Còn gọi là lễ đâm trầu.

Nhiều dân tộc ở Tây Nguyên và dọc theo Trường Sơn

Đối tượng suy tôn: Giàng (Yang) - con trầu là vật tế thần

Địa điểm: Tại sân nhà rông của buôn (Ploi)

Thời gian: 2 đến 3 ngày

Đặc điểm: Quy mô cả cộng đồng.

Lễ đâm trâu của dân tộc M'Nông

Tục đâm trâu có từ thời xa xưa. Trong ngôn ngữ của dân tộc M'Nông có từ "ăn trâu", "chém trâu" để chỉ hội đâm trâu. Lễ hội

mang đậm màu sắc phong tục - tín ngưỡng của đồng bào dân tộc Tây Nguyên - xuất phát từ niềm tin vào thế giới thần linh, con

người muốn thông qua với thần linh, nhờ các vị thần linh che chở, tha thứ và giúp đỡ thì phải có vật tế thần. Và con trâu là con

vật quý giá để hiến tế thần linh.

Lễ đâm trâu được tổ chức vào dịp mừng chiến thắng, mừng thắng lợi của cộng đồng, khánh thành nhà rông, lễ cầu an, lễ xóa

điềm xấu, điềm gỡ cho cả buôn làng. Thông thường, lễ hội được tổ chức tại sân nhà rông và thường kéo dài trong 3 ngày. Để có

một lễ đâm trâu, người ta phải có nhiều rượu, thịt, cơm nếp, trâu thuốc và bắt buộc phải làm cây nêu. Việc tạo ra cây nêu góp

phần làm cho buổi lễ thêm long trọng và linh thiêng. Cây nêu được làm từ cây hòn gai, thớ gỗ rất trắng và mềm nên tiện lợi cho

việc trang trí hoa văn và tạo dáng. Với những người thợ khéo tay trong buôn, cây nêu là một công trình sáng tạo tập thể về nghệ

thuật tạo hình dân gian của người M'Nông. Các hình con vật mang ý nghĩa phồn thực, thể hiện khát vọng của đồng bào muốn

vươn tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, vạn vật được sinh sôi, nảy nở.

Vào lễ đâm trâu chúng ta sẽ chứng kiến nhiều lễ tục lạ rất thú vị. Để gọi thần về ăn trâu và an ủi con trâu trước lúc hiến sinh người ta có những bài khấn rất

hồn nhiên:

"Sáng sớm tôi gọi hồn lúa, gần trưa tôi gọi thần trâu... Thần ở với người Preh tôi theo bằng dê, thần đi với người Êđê tôi theo bằng công, thần trú nơi người

Nong tôi theo bằng kèn rlít...".

Sau đó người đâm trâu được trao một chiếc lao để đâm vào tim con trâu, rồi lấy gươm chặt vào hai khuỷu chân trâu. Con trâu chết, người ta lấy chiêng mẹ úp

lên đầu trâu. Sau đó lấy máu trâu bôi lên cây nêu, cọc buộc trâu và kèn rlít. Lễ cúng tiếp theo được tổ chức trên kho lúa. Người ta lấy sợi chỉ buộc từ kho lúa

đến chỗ đầu trâu, tượng trưng cho lối đi của hồn lúa. Chủ nhà lấy huyết trâu với rượu rồi đổ vào bầu nước và tưới tượng trưng lên kho lúa. Làm như vậy, họ

tin rằng hồn lúa sẽ được mát mẻ, mọi điều xấu, tai ương sẽ qua đi. Tiếp theo, người ta mổ trâu chia cho các gia đình trong buôn.

Lễ hội đâm trâu trong trường ca M'Nông được nhắc tới như một sinh hoạt văn hóa đầy tự hào:

Bon Tiăng ăn trâu không sót một năm
Bon Yang ăn trâu không sót một năm
Dựng cây nêu không thiếu một tháng...
Tiếng Tiăng, Yang đã vang khắp nơi
Con cá sấu dưới nước cũng phải khen
Dù có núp trong ống mọi người cũng biết.

Hội Xuân ALa Chàng

Địa điểm tổ chức: Vùng dân tộc PaCo, sinh sống dọc miền núi

Người được thờ cúng: Giàng

Nội dung: Hội tổ chức cầu mong con người khỏe mạnh, mùa màng tươi tốt.

Sau nghi thức cúng tế, sôi nổi nhất là đâm trâu và múa ARiêu - ACha cùng tiếng chiêng trống âm vang, náo nức.

Ghi chú: Hội tổ chức vào ban đêm, một ngày tốt trời mùa xuân

Lễ vu lan

Đối tượng suy tôn: Báo hiếu cha mẹ, ông bà, tổ tiên
Thời gian: Ngày rằm tháng 7 âm lịch
Địa điểm: Tại các chùa
Đặc điểm: Lễ Vu lan trùng với tiết Trung Nguyên

Lễ Vu lan là lễ của nhà Phật nhằm vào ngày 15 tháng 7 âm lịch. Hàng năm, đến ngày này, các chùa ở Việt Nam đều tổ chức lễ Vu lan. Vu lan, nói đủ là Vu lan bồn, vốn được phiên âm từ chữ Phạn-Ullumbama. Vu lan bồn còn có nghĩa là các chậu dùng để đựng các vật phẩm dâng cúng với mục đích cầu xin vong hồn người thân của mình được thoát khỏi những hình phạt ở cõi âm. Tích xưa kể lại rằng khi Đức Phật còn ở dương thế, trong những người theo hầu Đức Phật có ngài Mục Liên, ông là một vị tôn giả tu luyện được nhiều phép thần thông. Một lần, Mục Liên dùng "mắt đạo" quan sát cõi âm thấy mẹ đang bị Diêm Vương đầy làm quỷ đói. Thương mẹ quá, Mục Liên dùng phép thuật xuống địa ngục để mang cơm dâng mẹ, nhưng mỗi khi mẹ Mục Liên đưa tay ra để nhận cơm của con thì cơm bỗng biến thành lửa không sao ăn được, Mục Liên đau xót vô cùng. Ngài bèn cầu xin Đức Phật dạy cho cách cứu độ. Đức Phật dạy rằng: Ngày rằm tháng 7 là ngày tự tử của chủ tạng. Hãy sắm sửa đủ lễ vật rồi đặt vào trong chậu Vu lan mang đến cúng dâng chủ tạng để chuyển nghiệp tham, sân si ở nơi vong nhân, từ đó mới mong cứu rỗi được. Mục Liên thành tâm làm theo và cứu được mẹ thoát khỏi âm cung. Từ đó về sau, các Phật tử căn cứ vào lời dạy của Phật đã thực hành phép Vu lan bồn để xin cứu độ cha mẹ, tổ tiên. Lễ Vu lan vào dịp rằm tháng 7 đã trở thành ngày truyền thống báo hiếu của Phật tử và đồng đạo đồng bào ta.

Vào lễ, người ta lập đàn cầu nguyện cho các oan hồn siêu thoát. Thức ăn cúng dường (lễ vật) không phải là điều quan trọng (chỉ cần gạo, muối và nước uống sạch). Điều linh thiêng là vào ngày đó một cái cầu vô hình dường như được bắc giữa hai bờ của thế giới Dương - Âm.

Lễ Vu lan tổ chức tại chùa có ý nghĩa về nội dung là "mở cửa ngục" nhằm xá tội vong nhân. Trên bàn cúng vong thường có bày "lục cúng": hương, nến, hoa quả, oản và nước. Còn có một số bát úp trên bàn, bên trong có đặt tờ giấy ghi chữ "NGUYỆC"; có kèm theo tờ số ghi rõ tên tuổi, quê quán của vong cùng lễ vật dâng cúng. Nhà chùa quan niệm đây là việc làm nhân nghĩa, vì vậy tổ chức lễ với các nghi thức bao giờ cũng đầy đủ và chu đáo. Tiếp theo lễ cúng vong là lễ "thí thực", còn gọi là "chức thực" (mời ăn, hưởng lộc). Lúc này, thầy chùa đọc những câu chú, chuyển thức ăn cho các vong nhân được hưởng. Lễ kết thúc bằng kinh A Di Đà, cầu siêu cho mọi vong hồn, kể cả những cô hồn bơ vơ, nhân ngày này mà được siêu thoát.

Lễ Vu lan vào dịp rằm tháng 7 đã được nhà chùa, Phật tử cũng như dân chúng hưởng ứng bởi nội dung báo hiếu, mà quan niệm về chữ hiếu trong tín ngưỡng thờ tổ tiên của người Việt lại nằm trong phạm trù đạo đức truyền thống của dân tộc, không xa lắm với lời Phật dạy "Cùng cực điều thiện không gì hơn chữ hiếu, cùng cực điều ác không gì hơn bất hiếu".

Hội đua voi ở Tây Nguyên

Dân tộc: M'Nông

Địa điểm: Dải đất rộng dài hay khu rừng

Thời gian: Tháng ba

Đặc điểm Tinh thần thượng võ và chất hùng tráng hội cổ truyền của người M'Nông

Với đồng bào dân tộc dọc theo dãy Trường Sơn, voi là vật quý hiếm nhất, là hiện thân của sức mạnh và sự giàu có của mỗi gia đình, mỗi buôn làng. Từ một giống vật hoang dã, khi được bắt về và thuần dưỡng, voi trở thành người bạn thân thiết với con người trong đời sống hàng ngày, vận chuyển, đi lại, làm rẫy, kéo gỗ làm thủy lợi.

Voi là loài vật có thân hình to lớn, nhưng cũng là con vật thông minh nhất trong quần thể động vật hoang dã, đồng thời cũng là con vật giàu tình nghĩa. Sử sách xưa đã từng ghi lại nhiều mẫu chuyện về đức tính này của con voi đối với người. Chuyện hai voi chiến của Hai Bà Trưng đã rú nhau về bên sông hát, nơi Hai Bà tự tử, thì hai voi nổi lên, rồi nhịn ăn cho đến chết.

Cảm động biết bao khi giữa pháp trường, con voi không chịu dầy nữ tướng Bùi Thị Xuân - người chủ của mình - đã bị Gia Long khép vào tội hình.

Bà phải gọi nó, vỗ về: "Mi hãy giết ta, nếu không mi sẽ chết oan, ta tha tội cho mi". Con voi chiến cúi đầu, cong vòi, vãi bà ba cái, nước mắt ràn rụa, rồi dùng vòi quấn bà tung lên cao đưa cặp ngà nhọn đón chủ, chỉ

để bà đau một lần khi chết. Sau đó voi tìm cách phá xích chạy vào rừng sâu... đó là những hình ảnh đẹp về lòng trung nghĩa của con vật này.

Nhìn chung, trong cả nước, voi tập trung nhiều nhất ở tỉnh Đắk Lắk (hơn 400 con voi nhà), trong đó huyện Ea Súp có đàn voi đông nhất. Bản Đôn thuộc huyện Ea Súp, nơi quy tụ nhiều tộc người M'Nông, Êđê, Lào... không những nổi tiếng với đàn voi nhà hàng trăm con, mà còn là xứ sở của nghề săn bắn và nuôi dạy voi từ lâu đời.

Hội đua voi thường diễn ra vào mùa Xuân, cụ thể hơn vào dịp tháng ba âm lịch, đó là tháng đẹp nhất trong năm ở đây. Người Tây Nguyên thường ví von đó là "mùa con ong đi lấy mật, mùa con voi xuống sông uống nước, mùa em đi phát rẫy, làm nương, anh đi vào rừng đặt bẫy, gài chông".

Để chuẩn bị cho ngày hội (người quản tượng) đưa voi đến những cụm rừng có nhiều cây cỏ để chúng được ăn uống no nê. Họ còn bồi dưỡng thêm chuối chín, đu đủ chín, mía cây, bắp ngô, khoai lang và hầu như không bắt voi phải làm những việc nặng để giữ sức.

Đến ngày hội, những đàn voi từ các buôn làng xa gần nườm nượp kéo về buôn Đôn tập trung ở một số bãi, hoặc cánh rừng thưa ven sông Sêrêpốc. Cùng với những đàn voi, dân chúng khắp nơi đổ về dự hội với những bộ áo quần màu sắc rực rỡ. Bãi đua là một dải đất tương đối bằng phẳng, bề ngang đủ để 10 con voi giăng hàng đi cùng một lúc, bề dài từ 1 đến 2 km.

Một hồi tù và rúc lên, đàn voi dưới sự điều khiển của những chàng mोगát lần lượt tiến vào nơi khoảng đất bằng, dàn thành hàng ngay ngắn. Theo lệnh người điều khiển, từng tốp voi đi vào đứng ở tuyến xuất phát. Con đầu đàn đứng lên phía trước, trong tư thế uy nghi, hai chân trước đứng thẳng, ngẩng cao, quay cái vòi mấy vòng rồi cúi đầu chào khán giả hai bên, xong lại lùi vào vị trí cũ. Trên mỗi con voi có hai chàng mोगát dững mãnh, trong bộ trang phục sắc sỡ kiểu tướng lĩnh ngày xưa đang trong tư thế sẵn sàng chờ lệnh. Một tiếng tù và rúc to báo lệnh xuất phát. Những chú voi bật lên như những chiếc lò xo phóng về phía trước trong tiếng hò reo, la hét của khán giả cùng tiếng chiêng, tiếng âm vang cả núi rừng.

Chàng mोगát ngồi phía trước đầu voi cúi rạp mình, ngẩng đầu quan sát và điều khiển voi bằng một thanh sắt nhọn dài độ 1 mét gọi là kreo (tiếng M'Nông là gậy điều khiển) dùng để đâm mạnh vào da, thúc voi tăng tốc độ, còn anh chàng mोगát thứ hai ngồi ở phía sau thì dùng chiếc búa gỗ Kốc nện mạnh vào mông con voi để voi chạy nhanh và thẳng đường. Khi bóng chàng mोगát ngồi trên lưng chú voi đi đầu vừa xuất hiện từ xa trong vòng quay trở về đích, thì tiếng hò reo của khán giả vang lên như sấm. Tiếng trống chiêng giục giã liên hồi. Tiếp theo là tiếng hoan hô những người thắng cuộc.

Cuộc đua voi kết thúc, những chú voi dự thi lần lượt trở lại các buôn làng xa xôi, mang theo tiếng hát, lời ca và không khí rộn ràng của ngày hội.